

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 50/2023/DS-GĐT

Ngày: 10/3/2023

V/v: *Tranh chấp về thừa kế di sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

Chánh án – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Châu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Hoàng Thanh Dũng

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Hùng - Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T1.  
Địa chỉ: Số 013, tổ 2, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T2.  
Địa chỉ: Số 048, tổ 4, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
  - 3.1. Bà Nguyễn Ngọc T3.  
Địa chỉ: Số 64/3, tổ 3, khu phố K4, xã K5, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
  - 3.2. Bà Nguyễn Ngọc G1.  
Địa chỉ: Số 062, tổ 4, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
  - 3.3. Ông Nguyễn Thành C1.  
Địa chỉ: Số 048, tổ 4, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
  - 3.4. Ông Nguyễn Quốc T4.
  - 3.5. Ông Nguyễn Minh T5.
  - 3.6. Bà Nguyễn Thị Lan A1.  
Cùng địa chỉ: Số 048, tổ 4, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
  - 3.7. Ông Bùi Văn T6.  
Địa chỉ: Số 036, tổ 7, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.
  - 3.8. Bà Nguyễn Thị B1.

Địa chỉ: Số 048, tổ 4, ấp K2, xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.

3.9. Ông Nguyễn Thành H1.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố K6, phường K7, thị xã K8, tỉnh Bình Dương.

3.10. Ủy ban nhân dân thị xã K1, tỉnh Bình Dương.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1 trình bày:**

Cụ Nguyễn Văn S1, chết năm 1977 và cụ Nguyễn Thị C2, chết ngày 21/4/1991 có 05 người con chung, gồm:

1. Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1957;
2. Nguyễn Ngọc G1, sinh năm 1961;
3. Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1962 (bị đơn);
4. Nguyễn Quốc P1, sinh năm 1966, chết năm 1987 (không có vợ, con);
5. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1971 (nguyên đơn).

Riêng cụ C2 có một người con riêng là Ông Bùi Văn T6, sinh năm 1954.

Khi còn sống cụ S1 và cụ C2 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích khoảng 2.618 m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 2.164,5m<sup>2</sup>), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương. Cụ S1 và cụ C2 quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1991 cụ C2 chết thì Bà T3 là người quản lý, sử dụng và đóng thuế. Vào năm 1997, Nhà nước có chính sách đăng ký kê khai đại trà nên các anh chị em gồm Bà T3, Bà T2, Bà T1, Bà G1 thống nhất bằng miệng để Bà T2 đứng ra đăng ký, kê khai đối với thửa đất nêu trên. Lý do để Bà T2 đứng tên đăng ký đất là do thời điểm đó Bà T3 theo chồng về quê ở Đồng Tháp, Bà T1 còn nhỏ, còn Bà G1 bị bệnh nên không được minh mẫn. Ngày 27/01/1999, Bà Nguyễn Ngọc T2 được Ủy ban nhân dân huyện K1 (nay là thị xã K1) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K7370710, số vào sổ 01154 QSDĐ/TU đối với đất tranh chấp. Ngày 02/7/2003, tất cả các chị em gồm Bà T3, Bà T2, Bà G1, Bà T1 cùng Ông Nguyễn Thành C1 (chồng Bà T2), anh Nguyễn Quốc T4 (con Bà T2) đã lập giấy thỏa thuận về việc để hộ Bà Nguyễn Ngọc T2 đăng ký phần đất đồng thừa kế.

Bà T2 cho rằng quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản riêng của Bà T2 nên không chia cho các chị, em. Do vậy, Bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cha mẹ để lại.

**Bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2 trình bày:**

Bà T2 xác định không ký tên, lấn tay vào Giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003 mà Giấy thỏa thuận có dấu hiệu làm giả (lời chứng nhận 05 đương sự ký tên lấn tay tại Ủy ban nhân dân xã nhưng trên giấy thuận có 06 người ký tên, lấn tay. Vậy ai ký tên, lấn tay tại Ủy ban nhân dân xã, ai không ký tên, không lấn tay tại Ủy ban nhân dân xã). Tòa án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi thụ lý,

giải quyết vụ án vì cụ S1 chết năm 1977, cụ C2 chết năm 1991 nhưng đến ngày 22/10/2016, nguyên đơn Nguyễn Ngọc T1 mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Bà T2 cũng không thừa nhận đất mà nguyên đơn yêu cầu chia là tài sản chung như nội dung nguyên đơn trình bày. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không đủ điều kiện thụ lý để chia tài sản chung.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Bà T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà T1, đồng thời yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003 vô hiệu; công nhận hộ gia đình Bà T2 có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tranh chấp.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Ngọc T3, Bà Nguyễn Ngọc G1 trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thành C1, anh Nguyễn Quốc T4, anh Nguyễn Minh T5 (con Bà T2), chị Nguyễn Thị Lan A1 (con Bà T2) trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày của bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Văn T6 trình bày:**

Thông nhất về nguồn gốc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20 tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương là của cụ S1 và cụ C2. Ông là con riêng của cụ C2, về tranh chấp quyền sử dụng đất Ông T6 không liên quan và từ chối nhận di sản.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành H1 (chồng Bà T1) trình bày:**

Việc Bà T1 và Bà T2 tranh chấp đất với nhau ông H1 không biết và ông H1 không liên quan.

**Tại Bản án sơ thẩm số 10/2014/DS-ST ngày 09/4/2019, Tòa án nhân dân thị xã K1, tỉnh Bình Dương đã quyết định:**

1. Đình chỉ xét xử về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K 7370710, số vào sổ 01154 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện K1 cấp cho hộ Bà Nguyễn Ngọc T2 ngày 27/01/1999.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu tuyên bố giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003 vô hiệu; công nhận hộ gia đình Bà T2 có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 2.618 m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc thực tế là 2.164,5m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ 20 tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K7370710, số vào sổ là 01154 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện K1 cấp cho hộ Bà Nguyễn Ngọc T2 ngày 27/01/1999.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1 đối với bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2 về việc tranh chấp thừa kế về tài sản.

4. Xác định quyền sử dụng đất diện tích  $2.618m^2$  (diện tích đo đạc thực tế là  $2.164.5m^2$ ), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20 là di sản của cụ S1 và cụ C2 để lại sau khi trừ công sức gìn giữ cho Bà T2 có giá trị 735.930.000 đồng.

5. Chia di sản thừa kế của cụ S1 và cụ C2 để lại cụ thể:

5.1. Chia cho hộ Bà Nguyễn Ngọc T2 được quyền sử dụng, quản lý diện tích  $2.618m^2$  (diện tích đo đạc thực tế là  $2.164.5m^2$ ), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, gắn liền với tài sản trên đất và số tiền 183.982.500 đồng.

Đất có tứ cận: Hướng Tây Bắc giáp đường đất; Hướng Đông Nam giáp thửa 174; Hướng Tây Nam giáp thửa 126, 173; Hướng Đông Bắc giáp thửa 122. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5.2. Chia cho Bà Nguyễn Ngọc T3 được hưởng số tiền 183.982.500 đồng.

5.3. Chia cho Bà Nguyễn Ngọc G1 được hưởng số tiền 183.982.500 đồng.

5.4. Chia cho Bà Nguyễn Ngọc T1 được hưởng số tiền 183.982.500 đồng.

5.5. Bà T2 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất lại cho Bà T3, Bà T1, Bà G1 mỗi người 183.982.500 đồng.

5.6. Hộ gia đình Bà T2 được quyền sở hữu tài sản trên đất là 01 cây bàng, 03 cây sơn, 05 cây duối, 14 cây lồng mứt đường kính 03 cm - 05 cm, 20 cây lồng đường kính 10 cm - 15 cm, 01 cây trướng cá gắn liền thửa 125, tờ bản đồ số 20 tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bà Nguyễn Ngọc T1, Bà Nguyễn Ngọc T3, Bà Nguyễn Ngọc G1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật. Bà Nguyễn Ngọc T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý chia thừa kế.

**Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 271/2019/DS-PT ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:**

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Ngọc G1 và Bà Nguyễn Ngọc T3.

3. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2.

4. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2012/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã K1, tỉnh Bình Dương như sau:

4.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1 đối với bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

4.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2 về việc yêu cầu tuyên bố Giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003 vô hiệu; công nhận hộ gia đình Bà T2 có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 2.618m<sup>2</sup> (kết quả đo đạc thực tế là 2.164,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ 20 tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố “Giấy thỏa thuận V/v: Để hộ Nguyễn Ngọc T2 đăng ký phần đất đồng thừa kế” đề ngày 02 tháng 7 năm 2003 là vô hiệu.

Hộ gia đình Bà Nguyễn Ngọc T2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 2.618m<sup>2</sup> (kết quả đo đạc thực tế là 2.164,5m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ 20 tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K7370710, số vào sổ là 01154 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện K1 cấp cho hộ Bà Nguyễn Ngọc T2 ngày 27/01/1999 và cây trồng trên đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 03/01/2020, Bà Nguyễn Ngọc T1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 271/2019/DS-PT ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại Quyết định số 91/2022/KN-DS ngày 27/9/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh Kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 271/2019/DS-PT ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1 với bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 271/2019/DS-PT ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Cụ Nguyễn Văn S1, chết năm 1977 và cụ Nguyễn Thị C2, chết ngày 21/4/1991 có 05 người con chung, gồm: Bà Nguyễn Ngọc T3, Bà Nguyễn Ngọc G1, Bà Nguyễn Ngọc T2, ông Nguyễn Quốc P1, sinh năm 1966, chết năm 1987 (không có vợ, con) và Bà Nguyễn Ngọc T1. Riêng cụ C2 có một người con riêng là Ông Bùi Văn T6, sinh năm 1954. Bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ S1 và cụ C2 để lại là diện tích đất 2.164,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương. Phía bà Bà Nguyễn Ngọc T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà T1, đồng thời yêu cầu Tòa án: Tuyên bố Giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003 vô hiệu; công nhận hộ gia đình Bà T2 có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tranh chấp.

[2] Ngày 27/01/1999, Bà Nguyễn Ngọc T2 được Ủy ban nhân dân huyện K1 (nay là thị xã K1) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Bà T2 kê khai nguồn gốc đất là nhận thừa kế. Bà T2 cũng có lời khai cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của bà khai phá nhưng Bà T2 không có cơ sở chứng minh quá trình sử dụng đất cũng như nghĩa vụ với Nhà nước mà bà đã thực hiện trước ngày được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã K3; lời khai của những người làm chứng như ông Đỗ Văn Mòi, ông Đỗ Văn Cụng, bà Phan Thị Nhỏ là những người sống tại địa phương, ông Đỗ Văn Em (cán bộ địa chính xã trước đây) và lời khai của các đương sự trong vụ án, có cơ sở để xác định: Phần đất có diện tích 2.164,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã K3, thị xã K1, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn S1 và cụ Nguyễn Thị C2 để lại. Ngày 02/7/2003, Bà T3, Bà T2, Bà G1, Bà T1 cùng Ông Nguyễn Thành C1 (chồng Bà T2), anh Nguyễn Quốc T4 (con Bà T2) đã lập “Giấy thỏa thuận” với nội dung: *“Phần đất gò có diện tích 3.200m<sup>2</sup> tọa lạc tại Gò Gia, ấp K2, xã K3, huyện K1, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của cha mẹ là ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị C2; phần đất trên là di sản thừa kế của các chị em, vì diện tích đất nhỏ nên để thuận tiện cho việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trước đây các chị em tôi những người có tên trên đồng ý để cho Nguyễn Ngọc T2 đại diện các thành viên khác đứng tên xin đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gò trên; nay các cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho hộ và Nguyễn Thị Ngọc Thủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 480 ngày 27/01/1999...”*. Thấy rằng, phần thông tin về diện tích đất, thửa đất tại Giấy thỏa thuận không chính xác so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà T2. Tuy nhiên, các đương sự đều xác định cụ S1 và cụ C2 không để lại tài sản nào khác ngoài phần đất tranh chấp. Vấn đề này lẽ ra phải được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác minh làm rõ trong quá trình tố tụng để có cơ sở xem xét một cách thận trọng và chính xác hơn. Trường hợp không có tài liệu chứng cứ nào khác thì phải xác định phần đất tranh chấp do cụ C2, cụ S1 để lại chính là phần đất các đương sự lập giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003.

[4] Mặc dù chữ ký và dấu vân tay của Bà T2, Ông C1, anh T4 tại Giấy thỏa thuận ngày 02/7/2003 không đủ điều kiện để giám định và Bà T2 cho rằng không ký vào văn bản thỏa thuận nhưng xem xét khách quan, toàn diện các chứng cứ khác đã thu thập cho thấy: Tại Công văn số 78/UBND-KT ngày 24/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã K3 xác định *“vào ngày 04/7/2003 Ủy ban nhân dân xã K3 có chứng thực chữ ký và dấu lăn tay trong giấy thỏa thuận của gia đình Bà Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc T2, do chủ tịch Thân Văn Hợp xác nhận”*. Theo lời khai của ông Hợp thì chữ ký trong giấy thỏa thuận có 06 người gồm Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Ngọc G1, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thành Can, Nguyễn Quốc Trường, nhưng thực tế chỉ có 05, riêng Ông Nguyễn Thành C1 không có mặt nên Ủy ban nhân dân xã K3 chỉ xác nhận chữ ký và dấu lăn tay của 05 người. Theo Kết luận giám định số 3657/C54B ngày

19/12/2017 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ viết họ tên “Nguyễn Quốc Trường” dưới mục “Đồng ký tên” là do Ông T4 - con Bà T2 viết ra. Kết hợp các tình tiết đã phân tích nêu trên có cơ sở xác định các đương sự (bao gồm Bà T2) đến Ủy ban nhân dân xã K3 chứng thực “Giấy thỏa thuận” là sự kiện có thật.

[4] Với những căn cứ như đã phân tích có cơ sở xác định phần đất tranh là tài sản chung của các con cụ S1, cụ C2 gồm Bà G1, Bà T2, Bà T1, Bà T3. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố “Giấy thỏa thuận” ngày 02/7/2003 vô hiệu để bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là không đúng theo tinh thần Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình. Khi giải quyết lại vụ án cần phải xem xét công sức đóng góp quản lý đối với tài sản của Bà T2, đồng thời căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các thừa kế để phân chia di sản mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 91/2022/KN-DS ngày 27/9/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 271/2019/DS-PT ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án sơ thẩm số 10/2014/DS-ST ngày 09/4/2019, Tòa án nhân dân thị xã K1, tỉnh Bình Dương về vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T1 với bị đơn Bà Nguyễn Ngọc T2 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã K1 (nay là thành phố K1), tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố K1;
- Cục THADS thành phố K1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (TNT).

**T/M ỦY BAN THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Châu**